

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng;

2. Bà Đinh Thị Tin.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Nhi N1, sinh năm 1994. Đăng ký HKTT: Khu dân cư H1, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trú tại: Thôn Đ, xã K1, huyện T2, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Mạc Duy T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu dân cư H1, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Chị N1 có mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Mạc Duy T1 vào ngày 09/8/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 - Nay là phường A1, thị xã K. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống cùng bố mẹ đẻ anh T1 tại khu dân cư H1, phường A1, thị xã K. Quá trình chung sống được khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đồng Phấn - Trại Trên, xã K1, huyện T2, thành phố Hải Phòng sống ly thân với anh T1 từ tháng 4/2022 đến nay.

Vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Mạc Duy T1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 02 con là Mạc Hỷ Nhi, sinh ngày 01/7/2019 và Mạc Duy Hải Đăng, sinh ngày 25/8/2021. Hiện cả hai con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai, anh Mạc Duy T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Nhi N1 vào ngày 09/8/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 - Nay là phường A1, thị xã K. Thực tế anh và chị N1 sống cùng nhau hạnh phúc được vài năm đầu nhưng sau đó hai bên không có hạnh phúc vì tính cách không hợp nhau, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau. Nay chị N1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là tùy chị N1 quyết định.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng anh có 02 con là Mạc Hỷ Nhi, sinh ngày 01/7/2019 và Mạc Duy Hải Đăng, sinh ngày 25/8/2021. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Mạc Hỷ Nhi, giao cháu Mạc Duy Hải Đăng cho chị N1 nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai, bà Đỗ Thị O trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Nguyễn Nhi N1. Chị N1, anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, hai bên thiếu sự tin tưởng nhau. Chị N1 đưa con về gia đình bà sống ly thân với anh T1 từ tháng 4/2022 đến nay. Nay chị N1 có đơn ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trường hợp hai anh chị không thể đoàn tụ được thì bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị N1 được nuôi dưỡng vì cháu Đăng còn nhỏ, cháu Nhi là con gái. Gia đình bà sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất về chỗ ở và có trách nhiệm giúp đỡ chị N1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương phường A1 cung cấp: Chị Nguyễn Nhi N1 và anh Mạc Duy T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường A1 vào ngày 09/8/2018. Sau ngày cưới, chị N1 về gia đình anh T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được cụ thể nguyên nhân do đâu. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N1 đã về gia đình bố mẹ đẻ tại Hải Phòng sống ly thân với anh T1. Nay chị N1 xin ly hôn anh T1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; quan hệ về con chung: Chị N1, anh T1 có 02 con là Mạc Hỷ Nhi, sinh ngày 01/7/2019 và Mạc Duy Hải Đăng, sinh ngày

25/8/2021. Anh T1 làm nghề lao động tự do tại địa phương, còn chị N1 làm công việc gì thì địa phương không nắm được. Trường hợp anh chị ly hôn, do hai con của anh chị còn nhỏ nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện nuôi con của các bên để giao con theo quy định của pháp luật, đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho các cháu.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nhi N1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Nhi N1 ly hôn anh Mạc Duy T1; về con chung: Giao các con Mạc Hỷ Nhi, sinh ngày 01/7/2019 và Mạc Duy Hải Đăng, sinh ngày 25/8/2021 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N1 về việc không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Chị Nguyễn Nhi N1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn-anh Mạc Duy T1 có địa chỉ tại: Khu dân cư H1, phường A1, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, do Mạc Duy T1 vắng mặt, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đình Minh, là Phó trưởng khu dân cư H1, ông Minh cam kết giao lại tận tay cho anh T1. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định BLTTDS.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Nhi N1 kết hôn với anh Mạc Duy T1 vào ngày 09/8/2018 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1-nay là phường A1, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi kết hôn, chị N1 và anh T1 chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh T1 tại khu dân cư H1, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống tại đây được khoảng 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N1 đã về gia đình bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã K1, huyện T2, thành phố Hải Phòng sống ly thân với anh T1 từ tháng 4/2022 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N1, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N1 được ly hôn anh T1.

[3]. *Quan hệ về con chung.*

[3.1]. Chị N1, anh T1 có hai con là Mạc Hỷ Nhi, sinh ngày 01/7/2019 và Mạc Duy Hải Đăng, sinh ngày 25/8/2021. Ly hôn, chị N1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con, còn anh T1 có nguyện vọng nuôi dưỡng con Mạc Hỷ Nhi.

[3.2]. Xét điều kiện nuôi con của hai bên đương sự thì thấy: Mặc dù anh Mạc Duy T1 có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con Mạc Hỷ Nhi nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T1 đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con; chị Nguyễn Nhi N1 hiện làm công việc kinh doanh tại Điện máy Thông Oánh, xóm Phấn, Kênh Giang, Thủy Nguyên, có thu nhập ổn định, bình quân khoảng 9,5 triệu đồng/tháng. Mặc dù chị N1 chưa có chỗ ở riêng nhưng mẹ đẻ chị N1 là bà Đỗ Thị O cam kết sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chị N1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Các con do chị N1 nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường.

[3.3]. Xét độ tuổi các con của chị N1, anh T1: Các con của chị N1, anh T1 đều còn nhỏ, tính đến thời điểm xét xử thì cháu Mạc Hỷ Nhi 03 tuổi, 06 tháng, 12 ngày; cháu Mạc Duy Hải Đăng dưới 03 tuổi.

[3.4]. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị N1, anh T1, độ tuổi của con chung, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em tại địa phương, HĐXX thấy rằng: Chị Nguyễn Nhi N1 có điều kiện nuôi con tốt hơn anh Mạc Duy T1, các con của chị N1, anh T1 còn nhỏ và đang sinh sống ổn định, phát triển bình thường tại gia đình chị N1. Do đó HĐXX thấy cần giao cả hai con cho chị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Nhi N1 về việc không yêu cầu anh Mạc Duy T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nhi N1. Xử cho chị Nguyễn Nhi N1 ly hôn anh Mạc Duy T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Nhi N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Mạc Hỷ Nhi, sinh ngày 01/7/2019 và Mạc Duy Hải Đăng, sinh ngày 25/8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Nhi N1 về việc không yêu cầu anh Mạc Duy T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Mạc Duy T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Nhi N1 phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai số AA/2020/0001394 ngày 10/10/2022. Chị Nguyễn Nhi N1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A1 (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn